

KINH QUÁN VÔ LƯỢNG THỌ PHẬT SỚ DIỆU TÔNG SAO

Sa-môn Tứ Minh, Tri Lễ đời Tống soạn

QUYỂN 6

Cho nên Kinh Khê nói: Hơn gồm kém chỉ ở vườn Nai. Nếu Tợ vị hoàn toàn không thấy thì Pháp Hoa bốn tín sao thấy ở cõi Thật báo, Hữu dư sao thấy tròn đầy tướng hải. Thông giáo xét vị tiếp người là thấy tướng nào. Nếu chẳng phải Tôn đặc thì hợp thân chẳng thành. Nay kinh nói Phật Vô Lượng Thọ thân lượng vô biên, cùng Đại Luận nói sắc tướng vô biên có gì khác. Đó nói vô biên đã gọi Tôn đặc, sao chỉ ở đây không phải. Hướng chi là sở chuyên dẫn văn này luận ấy để chứng nghĩa thân lượng vô biên, nghiệm thân Phật nay đích thị là Tôn đặc chẳng nên nghi ngờ.

Hỏi: Nếu là Tôn đặc thì phải là thân thường, vì sao trong Pháp Hoa Sớ nói kinh quán Vô Lượng Thọ chép: “Thật có lượng mà nói vô lượng.”

Đáp: Đây là nói Chánh sao lầm dẫn sớ ấy. Sớ ấy đều nói thật có lượng mà nói vô lượng như A-di-đà và Kim Quang sớ và sớ này đồng nhau. Vì lấy hai kinh Di-đà Đại Tiểu chẳng chuyên có Tôn đặc mà bị đốn cơ. Cho nên Phật ấy hiện ra ba mươi hai tướng chung bị các cơ. Đại cơ tùy thấy Tôn đặc thường thân. Nhưng với thói quen của người Tiểu và các phàm phu, tuy nhân hồi hướng được sinh cõi ấy nhưng chưa phải là Tôn đặc nói lý thường trụ cho nên dùng thân Ứng Hóa nói pháp vô thường để thành Tiểu quả. Cho nên tuổi thọ của Phật tuy chẳng thể đếm nhưng cuối cùng cũng quy về có lượng. Ta-bà Sinh lên đó phần nhiều là cơ này, vì người vị Biệt viên tợ khó kịp. Ba sớ ước đây cho nên nói Di-đà ở trong hữu lượng. Nếu kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật là thuần bị người viên, mà nói thân Phật toàn do pháp giới khởi. Ứng đã có bản thì sinh thân tức đồng pháp thân mà xếp loại. Thích Luận nói pháp tánh Tôn đặc chính là vô lượng của vô lượng. Cho nên Thích Tiêm chép:

“Giáo phân ra hai thân vì cơ liệt nên tạm hiện sinh thân. Nay cơ chẳng liệt đâu đối với sinh thân.”

Hỏi: Trong Đại bản chép: “Người sinh về nước ta thân đều có ba mươi hai tướng. Nhân dân nước ấy đã có đủ tướng này, thì thân Phật lý hợp càng vượt hơn người, cho nên biết thường thân có tám muôn tướng. Kinh Bát Chu nói ba mươi hai tướng bởi mượn Thích-ca thực hành quán cảnh của kẻ sơ tâm mà thôi.

Đáp: Kinh Bát Chu nói dụng của Bồ-tát là niệm Phật cho nên sẽ được sinh về nước Phật A-di-đà. Đương niệm như thế thì thân Phật có ba mươi hai tướng đầy đủ, ánh sáng suốt chiếu đẹp đẽ khó gì sánh bằng, ở trong chúng Tỳ-kheo mà nói kinh. Kinh chỉ Di-đà có ba mươi hai tướng, có văn nào nói mượn Thích-ca làm cảnh, hướng chỉ quán không văn, phụ hành chẳng nói, hướng được tự nói thành ở mình thấy. Lại nhân dân cõi ấy có ba mươi hai tướng, cho nên tướng thường của Phật cũng phải tám muôn, nghĩa ấy chẳng đúng. Vì cõi Đồng cư Phật ứng hiện giống người thường, chỉ do người Tịnh độ đều có ba mươi hai tướng, cho nên thân thường của Phật cũng phải hiện tướng này. Chỉ ở trong đồng các tướng đều cao quý. Còn ở cõi uế thân Phật tuy khác kẻ phàm phu xấu xí nhưng cũng đồng người cõi ấy. Cho nên ứng ở phương này phải có tướng pháp. Cho nên ba mươi hai tướng đồng với tướng của Luân vương, cũng ở trong đồng mà chia ra sáng tối. Ba mươi hai tướng đã đồng với người ấy thì nghiệm ra là thân thường tướng thường ở cõi ấy. Cho nên biết tám muôn là riêng vì Đại cơ mà hiện tướng Tôn đặc thì có gì nghi.

Hỏi: Một bậc Tôn đặc, vì sao lại chia ra ba phẩm?

Đáp: Vì Tất đàn nhân duyên. Bởi một loại cơ phải dùng tướng tạng trần hay Tôn đặc mà được bốn lợi ích. Cho nên Phật xứng cơ mà ra. Nhưng phải hiểu rõ tướng hải này thì Biệt giáo lại dùng Biệt tu duyên liễu mà thành tựu tướng này, tức tu thành tướng Tôn đặc, nên gọi là Báo thân. Còn Viên giáo hiểu rõ hai tu tức tánh, tu đức không công, Tôn đặc là của tánh cụ, nên gọi là pháp thân đã nói trong phần Khai Chương quán này. Nên biết Hoa Nghiêm nói Hoa Tạng Trần số tướng tuy nhiều nhưng đây là gồm riêng cho nên cũng đời tu mà thành. Đây là luận về tám muôn đã chỉ có Viên đốn đều là tánh cụ. Cho nên quán ba thánh, sơ đều nói là pháp quán thân. Người tu phải nên lấy giáo mà định lý, ở lý mà nói quán ở quán mà hiển tướng. Không được chỉ lấy số nhiều mà bác số ít, khiến hơn thành kém. Thật ở tinh học, sau đó mới siêng tu, muốn bỏ cũng được. Nên ở đây luận rõ.

Quán Quán Âm, có sở khoa lược giải thích. Theo quả làm nhân, kinh Quán Âm tam-muội chép: “Quán Âm xưa đã thành Phật hiệu là Chánh Pháp Minh, nay làm Bồ-tát tu hạnh Tịnh độ. Đây chính là theo quả đức xưa mà làm nhân hạnh nay. Trên đánh có hóa Phật biểu thị có mang quả.”

Y khoa mà nêu kinh, tức là kết trên, về chánh quán thân Bồ-tát, có chánh quán thân tướng. Tỷ khoa gồm mười một

1. Kế lại trở đi là Thân lượng. Phải nói mười tám muôn ức, nay nói tám mươi là dịch hơn thân Phật hai mươi muôn ức cho nên biết là lầm.

Hỏi: Như Thích-ca trưởng sáu, thân người tám thước, nay thân Phật sáu mươi muôn ức, Bồ-tát mười tám muôn ức, thân Bồ-tát sao quá nhỏ thấp?

Đáp: Tịnh độ thắng ứng chẳng thể lấy liệt ứng của cõi uế mà so. Cũng như Diệu Âm thân lượng chỉ bốn vạn hai ngàn do-tuần.

2. Thân Phật sáu trăm tám mươi vạn do-tuần, thì lượng của thân Phật cách Bồ-tát rất nhiều. Thân sắc vàng v.v... trở đi, là thân sắc.

3. Đánh có v.v... trở đi là nhục kế.

4. Cổ có trở đi là Viên quang.

5. Cử thân v.v... trở đi là Thân quang.

6. Đánh có v.v... trở đi là mào trời.

7. Quan Thế v.v... trở đi, là sắc mặt.

8. Giữa hai đầu chân mày v.v... trở đi là hào tướng (sợi lông trắng).

9. Cánh tay v.v... trở đi, là tướng cánh tay.

10. Tay trở v.v... đi là tướng tay.

11. Dở chân v.v... trở đi là tướng dưới chân.

Còn lại v.v... trở đi là đồng khác với Phật. Nhục kế là tướng, vô kiến đánh tướng là vẻ đẹp. Tướng tốt này biểu thị cho cực quả. Nay làm người nhân nên chẳng bằng Phật. ba là nêu lợi khuyên tu. Tỷ Khoa có hai, đầu tiên Phật bảo là nêu quán lợi mà khuyên, tức là y cứ tu quán mà nói diệt tội. Như đây trở đi, là y cứ xưng tên hưởng được phước. Nếu có trở đi, là chỉ quán thứ lớp. Thân tướng đã nhiều trước quán tướng nào. Cho nên nay nêu rằng trước quán nhục kế, kế quán mào trời, vì hai thứ này biểu thị riêng cho đức tướng Quán Âm. Ví sao? vì nhục kế là giáng Phật biến hiện cho làm nhân, còn mào có hóa Phật biểu thị xưa đã thành quả. Tướng riêng đã hiển thì các tướng chung dễ sáng tỏ. Người tu quán về nhục kế, mào, lông trắng, mặt sắc thân, ánh sáng... Mỗi tướng đều phải dùng tâm là tâm làm làm năng quán. Nói tướng

trước dùng vào chỗ này. Đã nói thành Phật là Phật há chẳng thể thực hành quán Âm là Quán Âm ư? Làm nhục kế làm mao là nhục kế đều có thể làm lệ chẳng riêng dùng Phật mà lệ quán Bồ-tát, cũng phải lệ với khắp tạp ba nhóm. Há chỉ lấy trước mà lệ sau, cũng nên lấy sau mà lệ trước. Vì người tu nay phải xem kinh trước sau mới tu quán. Đại sư đặc ý chính ở giải thích đề mà nêu chung ba quán. Nếu cũng không ở mười sáu chỗ dùng thì khiến Đại sư nói suông. Cũng thấy người tu tu dối. Phải vâng lời Phật chớ trái pháp Tổ. Chuyên dùng Diệu quán mà hiển Thăng tướng. Dùng diệu quán này làm gốc thấy Phật bỏ đi các nhân khác. Khi đến cõi ấy thì mau chứng pháp nhãn. Làm v.v... trở đi là kết quán tà chánh.

Quán Thế Chí, gồm phân khoa nêu ý là phân khoa. Lược không v.v... trở đi là y cứ đương môn mà nói quán chân ấy là quán chân thân Phật, bèn lập quán rằng chánh quán thân Phật là đồng. Trong Quán Âm nói Chánh nói quán thân Bồ-tát, nay quán Thế Chí chỉ nói nhân thân lực ánh sáng mà chế hai thứ tên và nói: Nói đồng với Quán Âm khác, sao chẳng lệ trên đều lập pháp quán. Cho nên Sở nêu ý rằng: Lược mà không có pháp quán sẽ chẳng giống trên, vì Đại Thế Chí và Quán Thế Âm thân lượng lớn nhỏ đều giống nhau, đây khiến người tu sau khi phân biệt rõ thì dùng Quán Âm mà Quán Thế Chí đâu cần phải lập riêng. Sở dĩ v.v... trở đi, là gồm Quán Âm mà nói không có tướng tượng, quán thành sau khi thấy chân pháp thân Phật thì quán hai thị giả, đâu cần phải tu phương tiện tướng tượng làm gì?

Y khoa nêu kinh, gồm nhân ánh sáng thân lực mà chế hai tên. Về Tỷ Khoa là khắp bày các ánh sáng. Chỉ thấy v.v... trở đi, là chánh lập hai tên. Ánh sáng chiếu mười phương, cho nên đặt tên Vô Biên Quang khiến người trong ba cõi được mười Lực của Phật cho nên đặt tên Đại Thế Chí. Người tu nên biết tức toàn thân quang gọi là ánh sáng trí tuệ. Vì là rất gần sắc tâm chẳng hai. Nếu chẳng thế thì làm sao được sắc tướng gọi là pháp thân. Nói không khác với Quán Âm. Bồ-tát này trở đi, là nêu đi ngồi. Quán Âm đi ngồi há chẳng động đất và nhóm họp Phật ư? Chỉ nói trong quán Thế Chí mà thôi. Nếu chẳng như thế làm sao được nói trừ bình báu trên đánh thì các thứ khác đều giống Quán Âm chẳng khác. Thực hành đây v.v... trở đi, là kết thành quán tướng. Kinh nói sắc tướng, sở gọi pháp thân. Nếu chẳng phải toàn sắc là tâm, sắc do tâm tạo, làm sao khiến sắc tướng gọi là pháp thân. Đây chính là pháp thân của ba đế một cảnh mà phát ra ba quán Bát-nhã một tâm của ta. Tướng minh thấy tướng thì ba thoát viên bày cho nên thân Phật pháp

giới vào trong tâm tướng. Số nói tam-muội niệm Phật giải nhập tướng ứng. Chẳng phải tướng ứng này thì chẳng phát thặng tướng. Trừ sáu số trở đi là nói diệt tội để khuyên tu gọi là quán đầy đủ Quan Thế Âm, Đại Thế Chí là vì hai Bồ-tát này trên đánh có hai thứ hóa Phật và bình báu khác nhau còn các tướng khác đều giống nhau.

Kế nữa là quán khắp vãng sinh, có đối tạp mà luận khác, hoặc ở khắp mà phân khoa.

Văn kinh có quán thân mình vãng sinh. Các quán trên trước là y kế là chánh, trước là chủ kế là đồ đệ tuy đều quán thành nhưng chưa phải chung khắp. Lại chưa tưởng thân mình sinh về đó đích thân thấy cho nên nay tưởng thân mình sinh lên đó, cùng lúc thấy khắp. Không riêng gì cảnh giới được quán sớm đủ mà chính tâm tướng vãng sinh cũng thành tựu. Có thể xếp văn trước quán Y báo, trước là đất cây ao v.v... Các quán riêng rẽ. Đến quán lâu các thành thì bốn việc bèn thấy chung gọi là quán chung. Nhưng chỉ gồm chung y báo bốn việc. Nay tưởng sinh về đó mà thấy khắp nghe khắp các tướng Y chánh nên gọi là quán khắp.

Hỏi: Thượng phẩm thượng sinh thì ngòi đài Kim cương, thượng phẩm trung sinh thì ngòi đài vàng tím, thượng phẩm hạ sinh thì ngòi hoa sen vàng ròng. Nay ba bậc Thánh quán thành mới tu khắp quán thì hợp với thượng phẩm thượng sinh, sao nói đồng với thượng phẩm hạ sinh?

Đáp: Người tu mười sáu quán đối với chín phẩm vị nghĩa có khác nhau. Nay lại một lược đem quán ba Thánh và khắp quán thành mà gá vào thượng trung phẩm tạp với ba nhóm bốn quán thành mới là thượng thượng cho nên thượng trung phẩm lúc chết tuy thấy ngòi đài vàng tím. Đài này đến cõi ấy thành hoa báu lớn, qua một đêm thì nở. Văn này cũng nói: “Sinh về cõi Cực lạc ngòi trong hoa sen mà tướng khép vào mở ra. Khi hoa sen mở thì thấy Phật đầy hư không và giảng nói pháp mâu.” Chánh là hợp với tướng thượng phẩm trung sinh. Nếu thượng phẩm hạ sinh thì hoa nở bảy ngày mới được thấy Phật, nhưng đối các tướng tâm không rõ ràng. Cho nên biết văn này thượng trung phẩm sinh ngang nhau. Nếu lấy phẩm mà đối với vị Biệt viên thì đến quán ba phẩm mới được luận rõ. Vô lượng trở đi, là nói ba Thánh hiện đến. Trước tướng chết rồi sinh cõi ấy thấy Phật Bồ-tát, nay tưởng lúc chưa chết thì ba Thánh thường đến tâm tướng người ấy. Bởi đương niệm tức là cõi đến. Cho nên hay dự tưởng sẽ sinh về đó. Lại do chúng sinh và Phật thể chẳng khác nhau, cho nên khiến ba Thánh chẳng đến mà đến. Đây chính là ba quán một tâm làm là cùng vận, đến đối khiến tâm Phật

đến đó lại đây, cho nên biết quán thể chẳng thể suy nghĩ bàn luận.

Tạp nói quán Phật và Bồ-tát. Nay bình luận quán này lược có hai ý: Một là trước quán Thắng Tướng Phật và Bồ-tát chẳng thành nên nay khiến bỏ đại mà quán tướng sáu; hai là trước quán Thắng tướng đã thành, nay khiến lại quán hóa dụng hơn kém khắp mười phương cõi, khiến phẩm vị thêm cao. Nếu bảo không phải thế, trước quán đã thành thì tu các quán nào có ích gì. Số theo ý trước cho nên muốn xóa bỏ nghi mà lại giải thích. Vì quán thành thì tự biết ý kinh. Cho nên Đại sư từ ý đầu mà bày. Giải thích này có phân khoa. Phật bảo A-nan và Vy-đề-hy rằng:

Nếu muốn dốc lòng sinh Tây phương, trước phải quán tướng tượng sáu. Ở trên nước ao như trên đã nói là Phật Vô Lượng Thọ thân lượng vô biên, không thể tâm sức phàm phu hiểu nổi. Nhưng Như lai ấy có sức nguyện xưa, người có tướng nhớ thì ắt được thành tựu. Chỉ tướng tượng Phật còn được vô lượng phước hưởng là quán đầy đủ thân tướng Phật. Phật A-di-đà thân thông như ý, ở mười phương cõi nước khắp hiện tự tại, hoặc hiện thân lớn đầy khắp hư không, hoặc hiện thân nhỏ tượng sáu tám thước. Thân hiện ra điều là sắc chân kim (vàng ròng). Trước viên hóa Phật và hoa sen báu như đã nói trên. Quan Thế Âm và Đại Thế Chí Bồ-tát ở tất cả mọi nơi thân đều giống như chúng sinh. Chỉ quán tướng đầu thì biết là Quan Thế Âm hay Đại Thế Chí. Hai Bồ-tát này giúp Phật A-di-đà khắp hóa độ tất cả. Ấy là quán tạp tướng.

Tùy giải thích, có Phật bảo v.v... trở đi là nói quán tượng cao tượng sáu. Kinh nói nếu muốn... là người tu, ở trước các quán Y chánh tuy tu mà không vào, ý cầu sinh càng tha thiết gọi là dốc lòng. Cho nên khiến người này bỏ hơn mà quán kém. Chưa quán hai thị giả, trước tướng Di-đà cho nên nói trước phải quán tượng tượng sáu. Người tu mới gá vào ao sen báu cõi ấy, cho nên khiến quán tượng trên ao nước. Phải biết thắng thân đã tâm làm tâm là, chẳng lẽ nay tượng sáu không phải làm hay là sao. Người viên làm là đều hiểu rõ chỉ tâm. Toàn cụ mà biến, toàn biến là cụ, cụ biến chẳng hai. Cho nên quán tượng Phật hơn kém đều thế. Nói đến Di-đà biến hiện thì Tỷ Khoa có nêu Hóa chủ thu vật Như trước trở đi là khuyên thường tu quán. Di-đà v.v... trở đi, là quét bỏ các nghi. Số có nêu chỗ quán v.v... trở đi, là nêu Tướng hỏi nghi. Trước nghe trở đi, là nêu nghi nói phá. Thắng thân pháp quán tu tuy chẳng thành nhưng lại được biết rộng lớn vô lượng. Nay nghe quán nhỏ rất trái với lời nói trước, làm sao khỏi khinh nghi, vì quét bỏ ý nghi này, nên nói Di-đà thân thông như ý có khả năng hiện lớn nhỏ đều toàn là pháp giới.

Chỉ vì kính trọng mà quán khiến thành tựu chớ nghi thân chết rồi chẳng sinh Tây phương. Nói Bồ xứ cùng thân chúng sinh, tức là quán Thế Chí v.v... trở đi, là nói Liệt ứng đồng với chúng sinh. Phật ứng đã tùy theo muôn vật thì Bồ xứ cũng đồng với chúng sinh. Chỉ quán trở đi, phỏng theo thắng thân mà luận pháp quán. Trước nói phép quán Thắng thân của Quán Âm thì trước phải tưởng mạo và nhục kế, thì khiến các tướng thứ lớp đều sáng. Trong quán Thế Chí nhục kế có bình báu, ngoài ra thân tướng chẳng khác Quán Âm. Vì hai thứ thân tướng khác nhau của hai vị Đại sĩ, này khiến người tu quán chỉ quán tướng riêng. Tướng riêng đã sáng thì tướng chung sẽ sáng. Số giải thích tướng đầu, tuy chung hai thuyết nhưng thủ của đầu và thủ của tay chân đều là tướng riêng, đều có thể dùng riêng mà hiển chung. Nên biết quán Phật thân trượng sáu, trước phải quán sợi lông trắng thì mới bày các tướng, đủ như số trước đã y cứ Đức Thích-ca mà nói.

Kế là nói về ba nhóm vãng sinh. Nghĩa là lý do lập quán, đây có hai nghĩa, một là tạp quán mà quán liệt ứng, vị ở trung hạ nay biết ba phẩm mà tiến tu thắng quán để lên thượng phẩm; hai là trước quán thắng ứng và tu tạp tướng, hiểu rõ tùy hóa cơ là ở bát, tín cửu tín. Nay khiến người này dùng ba quán diệu mà phân biệt chín phẩm. Tức ba nhóm của Đại bản sự lý hiểu rõ mà lên Thập tín, đã nói ba quán sau, là quán người vãng sinh, nghĩa là pháp quán tu trước của người tu, là quán tướng chín phẩm vãng sinh. Không phải phạm tiểu cầu sinh, là khen ba nhóm của văn kinh, chuyển đổi hạnh nghiệp. Dẫu nghĩa chung này cũng là bàng kiêm, không phải ý quán hạnh.

Thích Tăng kinh luận có đề cập đến Tăng luận. Tức luận Vô Lượng Thọ kinh. Nay nói luận Vãng Sinh là đó, do ngài Thiên Thân soạn có mười bảy thành tựu. Đến Đại nghĩa môn thành tựu thứ mười sáu trong ấy có kệ rằng:

Đại thừa Gốc lành nam đều không tên ganh ghét. Người nữ và căn thiếu giống Nhị thừa chẳng sinh. Trường hàng giải thích rằng: Vì thế Tịnh độ quả báo lia hai lỗi ganh ghét, một là thể, hai là danh. Thể có ba thứ: Một là người Nhị thừa; hai là người nữ; ba là người các căn không đầy đủ. Không có ba lỗi này nên gọi là lia ganh ghét, cũng gọi ba thứ là không phải chỉ không ba thể. Cho đến chẳng nghe cả danh từ “Nhị thừa”, người nữ và các căn không đầy đủ. Cho nên mười bảy thành tựu này đều gọi là quả báo cõi ấy, cho nên không có Nhị thừa... là đều y cứ với cõi ấy. Không phải Nhị thừa ở cõi này không được sinh, e rằng người lầm không hiểu cho nên hội lại mà giải thích nghĩa Hội Nhị thừa,

hội chẳng sinh. Lại y cứ vào luận ấy câu nói giống Nhị thừa không sinh và ở kinh này Tiểu giới được sinh. Vì giới Cụ túc và giới Sa-di đều là giống Tiểu thừa. Hai thuyết trái nhau nên đem ra cật vấn. Nay vì trụ Tiểu hồi tâm lấy hội mà giải thích. Trụ chắc vào Tiểu đạo chí ở vô dư không câu sinh Tịnh độ nên nói chánh chỗ. Nếu hội Tiểu hưởng Đại, chuyển nghiệp Tiểu thừa làm nhân Tịnh độ cho nên nói là do lý do cốt yếu. Kinh ở hiện nay về Đại mà nói nên bảo được sinh. Còn Luận ở Bản thì trụ Tiểu mà nói nên bảo không được sinh. Nhưng luận nói cội ấy không có người Nhị thừa là vì thân này nhân đã chuyển đổi. Vì sao trở đi là giải thích chứng quả. Nói cuối cùng hội Tiểu hưởng Đại nên mới sinh về nước ấy. Vì sao trong nhóm người tu ba phẩm sinh về nước ấy lại chứng Tiểu quả. Nay ý giải thích như sau: Hội tâm cho nên được sinh, quen thói cho nên chứng Tiểu. Biết Đại mà chứng Tiểu, không chấp Thiên chân mà là rốt ráo, chẳng bao lâu sẽ chứng Đại.

Hỏi: Luận v.v... trở đi là hội người nữ. Lại nêu văn luận nói người nữ, căn thiếu chẳng sinh. Và văn ở kinh này nói Vy-đề-hy, thị nữ được sinh mà đem cật vấn. Nay y cứ kia đây hai nói mà giải thích. Luận là ở chuyển báo cho nên cội ấy không có người nữ và căn không đủ, hoặc danh hoặc thể. Còn kinh là ở người tu tịnh nghiệp cội này cho nên kinh Đại Di-đà nói các loài bò bay máy cựa đều được sinh. Cho nên biết kinh luận không chút trái nhau.

Hỏi: Đại trở đi là hội kinh, có đối kinh. Tội Nghịch được sinh tức là văn hạ phẩm hạ sinh. Giải thích có trở đi, là lập nghĩa hai giải thích, hối cãi có nặng nhẹ, trên tức là lợi căn, dưới tức độn căn. Luận Câu-xá chép: Ngu trí chỗ phạm nặng nhẹ không giống nhau. Người ngu làm tội nhỏ cũng đọa vào ác đạo, người trí làm tội lớn cũng thoát khổ. Như viên sắt nhỏ cũng chìm mà bát sắt lớn cũng nổi. Kinh Niết-bàn chép: “Người trí có hai: Một là chẳng gây ra các điều ác, hai là gây ra rồi thì sám hối. Kẻ ngu cũng có hai: một là gây tội, hai là che giấu tội.” Như Vua A-xà-thế giết cha hại mẹ, đến hội Niết-bàn thì thân ghê lở nóng bức mà rất xấu hổ, sám hối tự trách. Kỳ-bà khuyên đến chỗ Phật, Phật nói Pháp cho nghe mà được Tín vô căn. Văn chép ở phẩm Phạm hạnh trong kinh Niết-bàn. Kinh này nói tội nghịch được sinh Tịnh độ, tức đồng vua A-xà-thế là kẻ Thượng căn lợi trí tâm biết hết lòng sám hối. Kinh ấy nói không sinh là nói kẻ hạ căn ngu si đến lúc qua đời không thể hết lòng sám hối. Hai thứ trở đi là y cứ hạnh có Định tán. Kinh Đại Bản ở đây là chỉ cho Tán thiện trên sức yếu. Còn kinh này mới quán, tức là tam-muội quán Phật.

Hỏi: Nếu Định lực được sinh thì ở phẩm Hạ hạ nói người này bị khổ ép ngặt không rãnh mà niệm Phật. Được bạn lành chỉ bảo nếu không thể niệm thì phải xưng niệm Phật Vô Lượng Thọ. Như thế mà dốc lòng khiến tiếng chẳng dứt, đầy đủ mười niệm. Đây lý ấy không khác Đại bản tán tâm mười niệm?

Đáp: Ở đây tuy làm ác mà đã hiểu tu quán, cho nên lúc qua đời gặp bạn lành khuyên xưng niệm mười niệm. Định tâm sẽ thành, cũng là pháp hạnh của người thừa gáp mà giới chậm. Tu quán cho nên thừa gáp, tạo ác nên giới chậm. Do thừa gáp mà được gặp bạn lành, dấu hiện đời không tu tam-muội cũng là hạt giống xưa nay chín, cho nên được vãng sinh, do đó mà hoa nở thấy hai vị Đại sĩ nói pháp thật tướng. Tự không phải Định thiện mà chín thế ư? Cho nên Luận Thập Nghi chép: “Khi qua đời gặp Thiện tri thức mười niệm thành tựu đều là nghiệp thiện xưa mạnh mẽ mới gặp được thiện tri thức.” Phải biết có lời giải thích này mới hợp với nghĩa Định thiện trong đây. Nếu người vốn chẳng tu tam-muội thì thuộc nghĩa sám hối trước có nhẹ.

Y phẩm mà định vị, tức là nêu chung chín phẩm, ở đây trở đi là nêu trong ba đủ có chín. Văn kinh nêu ba nhóm mỗi nhóm đều có ba, hai là phán chín phẩm thuộc ba, Thượng phẩm trở đi, là y cứ vị mà xếp vào. Tuy chia ra chín phẩm nhưng nghĩa nhất định chẳng ngoài ba vị, tức nội phàm, ngoại phàm và dong dài. Nhưng gọi Tập chủng, Giải hạnh và Thập tín chính là phàm vị Địa tiền của Biệt giáo. Xem là vị vãng sinh của kinh này, thì lược có ba ý: Một là Biệt vị thứ lớp đối phẩm mà hiển hiện; hai là Biệt đủ bốn quán thâm cơ nói rộng; ba là chín phẩm phần nhiều phán người sở quán. Nếu dùng chín phẩm mà xếp năng quán ở vị Viên quán, thì dùng ba hiển mà đối với Thập Tín này, Thập Tín kia đối với năm phẩm này. Dong dài thì đối với người danh tự. Vì vị Danh tự thì chung cho cả người tu và chưa tu. Nên biết sơ dùng ba vị này mà phán người chín phẩm. Ý nó rất sâu sắc, không thể thô tâm. Nay nên nói lược: Bởi hồi hướng tất cả thiện nếu thì đều là nhân Tịnh độ. Nhưng tất cả ác nếu sám nguyện thì cũng là nhân Tịnh độ. Cho nên các thứ thiện tu cạn hay sâu thì đều là chín phẩm. Mỗi điều ác mà y theo công lực sám hối thì cũng đều là chín phẩm. Cho nên thiện phẩm thượng thượng chung với phẩm hạ hạ, còn ác phẩm hạ hạ thì chung với phẩm thượng thượng. Ba tâm sáu niệm hoặc nghe hoặc tu chưa thể phục hoặc thì thuộc ba phẩm hạ. Nếu đây đã phục hoặc thì vào ba phẩm trung. Nếu hay phá được hai hoặc thì mới dự vào ba phẩm Thượng.

Nếu năm tội nghịch thì khi qua đời mười niệm làm Tiêu công thì thuộc Hạ hạ phẩm, như Xà vương hết lòng sám hối mà được Tín vô căn, tức thuộc ba phẩm nhóm thượng, há không phải năm tội nghịch tùy công sám hối mà tự chia chín phẩm. Bảy phẩm ở giữa thì hoặc thiện hoặc ác, hoặc tu hoặc sám tùy công cạn sâu, mỗi phẩm đều nói ở chín phẩm. Nếu theo văn kinh thì ba phẩm hạ chỉ là ác. Trung hạ là đời thiện, trung trung, trung thượng tức là hạnh Tiểu thừa, ba phẩm Thượng thì chỉ có Đại. Số thì thuần dùng ba vị Đại thừa mà xếp vào chín phẩm, vì ba phẩm Trung là hồi hướng Đại thừa, ba phẩm Hạ là người Y theo đại mà diệt tội, cho nên hạnh chín phẩm mỗi phẩm thành đại. Tùy hạnh một phẩm cho đến ba Hiền đều là Thượng phẩm. Nếu đến Thập Tín thì đều là ba phẩm Trung. Còn hoàn toàn chưa điều phục hoặc thì tức là ba phẩm Hạ. Nên biết kinh vì thâm hết căn cơ, nên chia Đại Tiểu thiện ác thành chín phẩm. Bởi ước với tăng thặng cao thấp cùng hiểu. Đại sư đặc ý bèn ước ba vị mà xếp vào chín phẩm thì cơ nào chẳng nhiếp, hạnh nào chẳng sâu. Bởi hiểu rõ quán hạnh Đại Tiểu và nghiệp thiện ác hoàn toàn tu tức tánh, mỗi phẩm đều đủ ở bốn thứ Tịnh độ. Chỉ hay hồi hướng tùy công năng mà hiển bốn thứ lạc bang. Nói như thế, phần lớn là y theo một hạnh, tùy công cạn sâu mà trải chín phẩm. Cũng tự có người tiết tiết cải hạnh mà được chín phẩm. Nếu lấy ba vị mà định cao thấp, đổi và chẳng đổi hạp đều chẳng lạ.

Hỏi: Nay mười sáu quán đã là viên tu vì mỗi pháp quán đều có cả chín phẩm. Phải không?

Đáp: Tuy đều viên quán mà cảnh được giá phải vui. Có đổi hay chẳng đổi phải có hai đường.

Nếu ở hiện văn phần nhiều từ đổi quán mà trải chín phẩm vì kẻ sơ tâm tuy hiểu căn trần đều là pháp giới mà tâm tướng gây yếu, thặng cảnh khó quán. Cho nên Như lai lập ra phương tiện lạ trước quán mặt trời rưng ở hướng Tây mà định tâm (định tâm về Tây). Số nói từ năm tội nghịch nhóm Hạ tự luận, cho nên biết diệu quán tướng mặt trời lặn thành phải là phẩm Hạ hạ. Kế là ở ba quán mà tướng nước kết băng thì phải ở Hạ trung. Chuyển tướng về lưu ly thô thấy đất ấy thì có thể thuộc Hạ thượng. Nếu được tam-muội thấy đất báu, cây báu ao báu cõi ấy. Tuy năm phẩm đầu mà năm trụ viên phục, gọi là được tam-muội, thì phẩm thuộc Trung hạ. Thấy chung cả Y báo năm phẩm trung tâm hạp với Trung trung. Quán tòa hoa thành thì năm phẩm Hậu tâm tức là phẩm Trung thượng. Ba phẩm này tuy thành tam-muội mau hàng phục năm trụ, kiến hoặc chưa dứt, sự thức cũng còn chưa thể tức quán mà thặng

diệu thân tướng cho nên tu ba quán mà quán tướng báu. Tướng tướng hiện tiền thì kiến tứ đều dứt. Sở dĩ dứt hết là vì sức định sâu nên hàng phục được tư, kiến dứt liền lên Viên thất tín, đây là thuộc phẩm. Sự thức đã hết, toàn nương vào nghiệp thức, thì có thể quan chân pháp thân của Thượng hạ ba Thánh. Khi quán khắp thành thì ở bát, cửu tín tức là phẩm Thượng trung. Cho nên tướng khó nghĩ bàn của ánh sáng pháp giới và Phật sự mười phương đều suốt thốt. Sau tu tạp quán và quán ba nhóm thành thì thuộc thập tín, tức là Thượng thượng phẩm. Nội ngoại trần sa (các phiền não, các hoặc) tự nhiên dứt hết, cho nên tùy cơ mà ứng tướng và hành vi ác nghiệp sai khác quán sát rõ ràng, tuyên bày vô cùng tận. Đây y cứ tu vì từ vi đến tế, sau khi ba Thánh quán thành, tu tạp tướng và quán ba nhóm cho nên đáng ở vị này. Nếu quán thắng tướng chẳng thành tựu thì mới đầu phải y vào tạp quán mà quán thân tướng sáu. Người này hoặc ở phẩm Hạ ba hoặc ở nhóm trung. Nay quán chín phẩm, ắt có thể tiến công từ liệt quán thắng, mong dự vào bậc trên. Cho nên sơ chép: “Khiến biết ba nhóm vãng sinh mà bỏ Trung hạ để tu tạp phẩm Thượng.” Đây từ các tiết đổi quán mà thứ lớp vào phẩm mà nói như thế. Có người nhân đổi quán mà vượt phẩm vị thì không thể nói nhất định. Trên đều từ người thứ lớp đổi cảnh tu quán mà nói, còn người không đổi cảnh thì trong mười sáu cảnh, thích cảnh nào thì liền dùng Diệu quán mà tu mãi không bỏ. Bàn từ Danh tự tu thành quán hạnh, vào vị tướng tợ mà trải chín phẩm. Nhưng trong mười sáu thứ thì cảnh Phật là thích hợp nhất; phải từ kém quán hơn mà thành chín phẩm. Cho nên sơ khiến quán sợi lông trắng của Đức Thích-ca. Lấy làm tiệm môn cho người sơ tâm. Tạp quán khiến quán tướng tướng sáu. Kinh tuy chẳng nói từ một tướng vào, nhưng y cứ vào lý thì phải như thế. Như Kinh Bát Chu thì tướng bánh xe ngàn ở dưới bàn chân, thứ lớp quán lên đến nhục kế trên đánh. Cho nên biết lời giải thích này là trụ tiền ba vị, ở cảnh ở hạnh đổi cũng chẳng đổi sánh nhau tự thành. Không phải riêng kinh này chín phẩm như thế. Năm phẩm kinh Pháp Hoa nghĩa cũng thế, hiểu một thì ngàn theo. Vì sao trở đi là dùng kinh mà nghiệm, vì vị Vô sinh nhẫn là ở Biệt viên sơ địa, sơ trụ, không phải là Biệt thập hướng, Viên thập tín, sao được thấy Phật mà lên vị này. Thượng thượng đã thế thì các phẩm khác so mà biết. Lại lấy gây ra tội mà nghiệm ba phẩm hạ, vì Biệt viên giáo nội ngoại phạm vị chẳng gây ra các điều ác, đã ước tội mà nói, thì biết là chưa vào bậc ngoại phạm, mà xếp đây vào tợ. Kinh chẳng nói cho nên lấy được ngộ và gây ra tội so sánh mà nghiệm ra. Đây là Đại sư đối với tôn kinh mà khiêm nhường, người gần phán giải thì phần nhiều

người không vâng theo. Nói riêng ba Thượng, là phẩm Hạ thượng, là y cứ ba vị mà định, Thượng thì lấy ba phẩm mà phán chín phẩm, còn Hạ là nhóm dong dài. Nay thì nói riêng ba phẩm nhóm Thượng cho nên ước chừng tánh để phân ba vị. Kinh An Lạc nói có sáu chủng tánh:

1. Tánh Thập trụ tập chủng.
2. Tánh Thập hạnh tánh chủng.
3. Tánh Thập hướng đạo chủng.
4. Tánh Thập địa thánh chủng.
5. Tánh Đẳng giác.
6. Tánh Diệu giác.

Hỏi: Nay đây phẩm Thượng là từ giả lập, hợp với cõi uế mà lợi ích hữu tình, vì sao lại cầu sinh Tịnh độ ư?

Đáp: Đại luận quyển 43 chính có nói việc này. Cho nên ở đó có hỏi rằng:

Bồ-tát pháp ứng độ chúng sinh. Vì sao chỉ đến cõi nước thanh Tịnh của Phật Vô Lượng Thọ?

Đáp: Bồ-tát có hai thứ: Một là có tâm từ bi thường vì chúng sinh; hai là nhiều tập công đức Chư Phật. Người ưa tập công đức thì đến Nhất thừa thanh tịnh ở cõi nước Vô Lượng Thọ. Người ưa nhiều vì chúng sinh, thì ở chỗ không có Phật Pháp Tăng mà cất tiếng khen ngợi Tam bảo. Cho nên biết đồng là dứt hoặc Bồ-tát mà chỗ ưa thích không đồng, nên có hai thứ khác nhau. Lại Luận quyển bốn mươi lăm chép: Bồ-tát có người trước thành tựu công đức rồi sau mới độ chúng sinh, hoặc có người trước thành tựu chúng sinh rồi sau mới thành tựu công đức cho mình v.v... Cho nên nay biết Bồ-tát thập hồi hướng cầu sinh Tịnh độ, chính là trước tự thành tựu công đức cho người. Cho nên luận Thập Nghi nói chưa Vô sinh nhẫn trở lại phải thường không lìa Phật, nên cần phải cầu sinh. Hai mươi một được v.v... trở xuống là y theo hai nghĩa cầu. Thượng thượng sinh rồi thì tiến ngộ Vô sinh pháp nhẫn. Thượng trung phải trải qua bảy ngày mà được không lui sụt. Thượng hạ phải ba tiểu kiếp trụ ở địa Hoan hỷ mới được Vô sinh nhẫn, chứng niệm không lui sụt, tức địa Hoan hỷ.

Tùy văn giải thích tức ba quán sau của mười sáu quán. Sơ trước nêu rằng ba quán sau đây quán người vãng sinh. Nếu chỉ đọc văn không gọi là quán, thì phải đọc kinh nói tướng nhập vào một tâm niệm, dùng quán không giả Trung mâu nhiệm chiếu ở tâm tánh vốn đủ nhân duyên quả báo Tịnh độ. Chúng sinh và Phật đều thế, ba thứ không khác nhau. Tịnh độ Chư Phật nhân quả đã mãn thì hay ứng chúng sinh. Chúng sinh

do đủ nhân quả Tịnh độ mà năng chiêu cảm Chư Phật. Cảm ứng duyên khởi chẳng phải một chẳng khác, mỗi pháp dung diệu, từng tướng rõ ràng. Tùy Phật tùy công mà chiêu cảm Phật chiêu cảm Độ, quán mãi không thôi thì khó nghĩ Tục đế Tịnh độ nhân duyên tự nhiên sáng rõ. Vị sáng rõ đại khái nêu tượng tự minh thì sẽ là ba phẩm Thượng. Nếu quán hạnh rõ thì là ba phẩm Trung, còn Danh tự quán giải thì thuộc ba phẩm Hạ. Luận về đoạn phục v.v... tuy có cao thấp mà đều hiểu biết tất cả thiện ác hồi hướng sám hối đều chung cả chín phẩm. Hoặc chung hoặc chẳng chung, hoặc vượt hoặc chẳng vượt, hoặc đổi hoặc chẳng đổi, hoặc tiến hoặc không. Trạng loại muôn thứ khác nhau khó nói đủ. Nếu không như thế đâu được gọi là quán ba nhóm người vãng sinh. Thứ mười bốn là quán Thượng phẩm sinh, là Thượng phẩm thượng sinh.

Tùy giải thích, là nói Nhân sinh. Kinh có hai đoạn, đoạn một nói phát ba thứ tâm thì liền vãng sinh. Biết ba tâm này là một người phát tâm. Đoạn hai nói rằng: “Lại có ba thứ chúng sinh sẽ được vãng sinh.” Theo đây thì ba người này đều tu thành ba thứ hạnh. Nhưng tu là ở người, hoặc riêng một hạnh hoặc gồm hành vi ác khác, hoặc tu đầy đủ. Chỉ có thể vi đến Biệt giáo đạo chủng viên Thập tín liền được gọi là Thượng phẩm thượng sinh. Nói ba tâm chí thành v.v..., thì đây cùng với ba tâm của luận Khởi Tín lá chánh niệm chân Như, hai là thâm tâm là ưa nhóm họp hành vi ác thiện, ba là tâm đại Bi, là muốn cứu khổ tất cả chúng sinh. Nay trước là tâm chí thành, Số dùng chuyên thật mà giải thích, không phải niệm chân như đâu gọi là chân thật. Giải về sâu tâm, số tuy ba nghĩa mà chẳng bỏ nhau, là cầu quả cao sâu, phải kế lý sâu, muốn kế thâm lý thì phải rất ưa gốc lành. Đây là lập hạnh y lý cấu quả. Kinh chứng thành ba thứ nghĩa sâu, chẳng ngoài ý luận ấy nhóm họp tất cả hành vi ác thiện. Kinh nói hồi hướng phát nguyện tâm, số tuy chẳng giải, nhưng nghĩa như nghĩa đại Bi cứu khổ của luận ấy. Vì thiện tâm chân như thật niệm đến quả, hai tâm công đức khéo léo hồi hướng, nguyện sinh Tịnh độ mau chứng pháp nhãn, rộng cứu tất cả khổ não chúng sinh. Vậy ba tâm này thuận với ba pháp. Một là niệm chân như bình đẳng một tánh; hai là hai thứ tức là tự hành hóa tha, nghĩa hai thứ tu, đã là tu hai tánh một bèn ở viên dung ba pháp mà phát tâm. Nay ba tâm này trong một niệm mà tu. Kiến tư trần sa tự nhiên bỏ trước mà vào Thập tín nên ở phẩm này. Nếu ba tâm này chỉ hay viên phục tức là ba phẩm Trung, nếu hoàn toàn chưa điều phục tức là ba phẩm Hạ. Văn ở trong đây nghĩa gồm tám Hạ. Kinh nói tâm từ không giết hại đủ các giới hạnh, vì vô duyên từ chẳng hại mạng sống muôn loài. Biết tánh là

quấy tâm đủ các giới, đọc tụng phương đẳng là tùy văn thành quán, tu hành sáu niệm là Niết-bàn. Sớ chép: “Ba thứ trước niệm Phật khác, ba thứ sau niệm Phật mình. Giới thì là nhân của mình, sinh thiện là quả của mình. Giới là chỉ thiện, thì là hành thiện. Trời có quả gần quả xa. Xa tức là Đệ nhất nghĩa thiên. An tâm trở đi là giải thích nghĩa niệm.” Nghĩa là niệm Tam bảo đồng thể. Một tâm giới thì là lý Đệ nhất nghĩa không bị hai bên làm lay động, nên gọi chung là niệm. Kinh nói hồi hướng phát nguyện v.v... là luận chung chẳng giết hại... Đều phải khéo léo hồi hướng nguyên sinh Tịnh độ, chứng vô sinh rồi sau rộng độ hàm thức. Kinh nói đủ các công đức, hoặc toàn hoặc một phần đều được nói đủ, một ngày cho đến bảy ngày liền được vãng sinh. Trên mỗi hạnh phải tu thành tựu đến Đạo chủng vị mãi mãi làm thiện lớn. Ít nhất bảy ngày hoặc chỉ một ngày đều được dự vào Thượng phẩm thượng sinh. Đây đều là y cứ ở đoạn phục và hoàn toàn chưa phục, phân ở tám phẩm Hạ. Nếu chẳng như thế thì làm sao giúp người tu sáu niệm, ba hoặc còn hừng hẫy mà lên được Cực phẩm ư? Nên biết chín phẩm khó đem pháp mà định chỉ có thể tùy công. Đây bỏ khoa tiết, kinh số rõ ràng, mà sao chẳng nêu.

Thượng phẩm trung sinh, nói nhân sinh rằng không cần thọ trì kinh điển phương đẳng khéo giải nghĩa thú là người chẳng ưa đọc tụng thì ở trong kinh lấy một câu kệ hiểu rõ chỉ thú, dứt hết nói năng suy nghĩ lý rộng sâu mà tâm không kinh động. Lại tâm ấy an trụ ở Trung đạo, chẳng bị hai bên làm kinh động. Hiểu rõ nhân quả đều là thật tướng gọi là tin sâu. Tuy chẳng tu tập khắp hoặc nghe Đại giáo phó cơ thuyết lạ. Biết rõ lý một chẳng hề nghi ngờ chệch bại. Một thứ nhân này cũng chung cả chín phẩm. Nhưng nay quán này vị đến bát tín cứu tín của Viên giáo, cho nên ở phẩm này. Nếu ở Đệ nhất nghĩa hiểu mà toàn chưa hàng phục hoặc thì chỉ ở ba phẩm Hạ như Bồ-tát Thường Bất Khinh chẳng chuyên đọc tụng chỉ đem một câu mà lễ bái trao người, biết rõ nghĩa nhiều năm không biếng lười. Do thứ nhất tùy hỷ phẩm Hạnh mà bắt đầu, từ Danh tự mà trải năm phẩm, đến sáu căn thanh tịnh. Cho nên biết đọc tụng... Bốn phẩm Hạnh đều có thể từ Danh tự mà tu đến sáu căn tịnh. Nếu chứng phần chân thì không Thiên tu. Trong sau sinh lợi ích sơ gọi là thâm diệu tinh tấn, vì nghe các tiếng nói Đệ nhất nghĩa hay thành thú lý bất tư nghi quán. Đã sớm mất hết tình trần nghi nhỏ. Cho nên tiến nhanh như gió. So với các sự hạnh khác thì tạp mà trệ, cho nên tịnh tấn này rất là đệ nhất nghĩa. Sớ nhắc A-nậu không lui sụt. Giải thích là đạo chủng Bồ-đề. Vì A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam Bồ-đề dịch là Giác ngộ cao tột.

Đây là quả Bản tánh sở cầu của tâm người tu. Không lui sụt chuyển có ba vị, nếu phá kiến tư thì là vị Không lui sụt, thì không bao giờ mất vị siêu phàm, là tập chủng tánh vậy. Phục đoạn trần sa gọi là hạnh Không lui sụt, thì không bao giờ mất hạnh Bồ-tát, tức là Tánh chủng tánh và Đạo chủng tánh. Nếu phá vô minh thì gọi là niệm Không lui sụt, thì không bao giờ mất Trung đạo chánh niệm, là Thánh chủng tánh vậy. Thượng trung sinh thì cõi này đã được Vô sinh thánh chủng không lui sụt. Nay trong bảy ngày mà được Bồ-đề không lui sụt chuyển, tức là ở Đạo chủng Bồ-đề không lui sụt. Gọi chung là địa, vì chỗ phàm Thánh nương đều gọi là địa. bốn thứ thọ ký một lược hiện tiền Tịnh danh đại số nêu ra bốn thọ ký, đó là vị Phát tâm ký, Mật ký, Hiện tiền ký, Vô sinh ký. Nói một lược hiện tiền, nghĩa là hiện tiền ký chứng cả phàm Thánh. Nay ở vị Vô sinh, Phật chỉ một lần gọi chung là hiện tiền.

Thượng phẩm hạ sinh, cũng tin nhân quả không chê bai Đại thừa. Đồng phẩm Thượng trung nên gọi là cũng. Kia vì hiểu rõ Đệ nhất nghĩa đế mà làm hạnh riêng. Đây vì chỉ phát đạo tâm vô thượng mà làm hạnh riêng. Cuối cùng lý nhiếp sinh nên tâm khác nhau. Từ phàm vào Thánh trái vị không khác. Nghĩa là y theo vô tác bốn đế Diệu cảnh mà phát bốn thế nguyện gọi là chân chánh phát tâm Bồ-đề. Kẻ chưa được độ khổ thì thể khiến được độ. Âm nhập đều như cũ. Người chưa giải tập thì thể khiến được giải. Vì trần lao vốn tịnh. Kẻ chưa an đạo thì thể khiến được an, dứt hoặc mà thành trí. Kẻ chưa chứng diệt thì thể khiến được chứng, tức sinh mà thành diệt. Phát đạo tâm này cũng chung cả chín phẩm. Trong Danh tự thì tự phát có Tịnh tán, tức là ba phẩm Hạ. Quán hạnh năm vị tức là ba phẩm Trung. Tương tự đã phân ba thứ chủng tánh tức là ba phẩm Thượng. Nay tập chủng đã phát nên ở phẩm này. Tâm này thâm vận đã được phần chân há chẳng thể đến phẩm Thượng thượng ư? Y theo vị mà phán thì không pháp vào chẳng chín muồi. Trong sau sinh có lợi ích, kinh chép:

Tuy thấy thân Phật các tướng tốt mà tâm không rõ ràng, hai mươi một ngày sau mới thấy rõ, là vì người phẩm này ngang với vị tập chủng, kiến tư tuy đó mà trần sa chưa trừ, cho nên với các tướng tâm không rõ ràng. Qua hai mươi một ngày thì tiến vào tánh chủng, mà đoạn phá trần sa. Cho nên ở tám muôn tướng mỗi tướng rõ ràng. Từ đây ba kiếp đạo khắp mười phương cúng dường Phật nghe pháp tiến vào đạo chủng mà lên Sơ địa. Ở địa này liền được Trăm pháp minh môn. Nói trăm pháp, là như Trăm pháp luận nói các danh số. Nay ở pháp này đều chứng ba Đế. Bèn dùng trăm pháp mà làm môn Minh đạt ba đế. Ba Đế nếu sáng

thì hiểu rõ tất cả. Cho nên luận nói là nghĩa tăng trưởng trí tuệ, suy nghĩ các thứ pháp môn: Hiểu rõ nghĩa này nên tâm rất vui mừng, nên gọi là địa Hoan hỷ.

Trong nói nhân sinh của Thượng phẩm trung sinh chỉ nói các giới. Ở đây bèn lược nêu thứ nhất của ba học (Giới, Định, Tuệ). Nếu cứ vào sinh lên đó nghe khen bốn Đế liền thành La-hán có ba minh tám giải. Dùng quả nghiệm nhân thì là chẳng chuyên giữ giới, hợp với tu Tiểu thừa lý quán sự thiên, chỉ chưa chứng quả, cũng ở Hiền vị. Khi sắp chết thì nghe khen Phương đẳng mà hồi tâm hướng đại nguyện sinh Tịnh độ. Nhưng tâm hồi hướng cần phải rất khác. Giáo Thất tín trở lên, là Viên giáo quán hạnh hai phẩm tứ ngũ mới là người Trung phẩm thượng sinh. Nếu tiểu hạnh cho đến nhẫn vị và Thế đệ nhất. Nhưng xét vị hồi tức chỉ ở phẩm này. Nếu ở Noãn đẳng và Ngoại phạm thì cần hồi mạnh mẽ sẽ vượt vào phẩm này. Đại y cứ Tiểu thừa và thế gian thiện thì từ hồi hướng tâm sâu cạn cao thấp phân ở chín phẩm. Sau sinh lợi ích, sơ có chánh giải thích văn kinh. Bốn Đế là đã cùng Nhị thừa làm, do tập xưa mà nghe sinh diệt, vô sinh hai thứ tư Đế. Sinh diệt là khổ thì ba tướng đối đời, tập thì bốn tâm lưu động, đạo thì đối trị dễ đoạt, diệt thì diệt lại có không. Vô sinh có bốn: Khổ không có tướng ép ngặt, Tập không có tướng hòa hợp, Đạo thì chẳng hai tướng, Diệt thì tướng vô sinh. Kế ba Minh là quá khứ Túc mạng minh, vị lai Thiên nhãn minh, và hiện tại Lưu tận minh, ba thứ này gọi Minh lại được gọi Thông. Ba thứ kia chỉ được tên Thông. Luận Bà-sa chép: “Thân thông chỉ là công khéo léo, thiên nhĩ chỉ là nghe tiếng mà thôi cho nên không phải là minh. Túc mạng thì biết khổ quá khứ mà rất chán lìa. Thiên nhãn thì biết khổ vị lai mà rất chán lìa. Lưu tận là chánh quán dứt hoặc.” Cho nên ba thứ này gọi là minh. Đại Luận hỏi thông và minh có gì khác nhau.

Đáp: Biết thẳng quá khứ gọi là Thông, biết rõ các nhân duyên hạnh nghiệp quá khứ thì gọi là minh. Kế giải thích tám giải thoát:

1. Trong có v.v... thì nội sắc tức là xương cốt thân mình, vì tu tám sắc lưu quang mà giữ còn xương người, kiết sử ở Dục giới khó dứt cho nên lấy tâm bất tịnh mà quán ngoại sắc, vị ở sơ thiền hay thoát tự địa và xuống Dục giới.

2. Ở vị Nhị thiền. Nhị thiền ở trong tịnh (nội tịnh) cho nên hoại diệt xương người. Dục hoặc khó dứt cho nên cũng quán tướng ngoài bất tịnh.

3. Trừ tướng ngoài bất tịnh, chỉ ở trong định mà luyện tám vị ở ba Thiền.

4. Nếu Không xứ diệt tứ Thiền căn bản và Các sắc như ba bối xả v.v..., thì một tâm duyên với vô biên hư không mà nhập vào, tức quán định này y vào ấm nhập cho nên có vô thường khổ không giả dối chẳng thật, tâm sinh chán lìa mà chẳng đắm trước.

5. Nếu xả Thức xứ, không duyên thức nhập định, tức quán định này giả dối chẳng thật mà chẳng đắm trước.

6. Vô Sở Hữu Xứ, nếu bỏ thức duyên Vô sở hữu mà nhập vào cho đến không đắm trước.

7. Phi phi tướng xứ, nếu bỏ Vô sở hữu xứ mà duyên Phi phi tướng nhập vào cho đến không đắm trước.

8. Diệt tận... là trái diệt thọ tưởng các pháp tâm sở. Đệ tử của Phật lo sợ tâm tán loạn muốn nhập vào mà nghỉ ngơi, dùng pháp Niết-bàn mà an trú thân. Cho nên nói thân chứng mà tưởng thọ, diệt ba thứ trước thì vị ở Sắc giới hay lìa năm dục của tự địa.

Bốn thứ giữa là vị ở cõi Vô sắc đều lần lượt lìa địa dưới. Nhưng ba thứ trước cũng lìa dưới. Bốn thứ giữa cũng lìa tự địa và hiện nói. Một thứ sau cùng nên biết cũng gọi là dưới do Bối xả mà gọi là quả Giải thoát. Giải thích hội trở đi, là giải thích các nghi ngại, có hội Tiểu thừa chẳng sinh nghi sơ cùng Thích Luận lấy ý Pháp Hoa mà hội ở kinh này và luận Vãng sinh mà luận là chẳng sinh. Cứ theo quyết định tánh mà vào Vô dư. Kinh này nói sinh là thoái Bồ-đề về Tiểu thừa, thì sơ trước hội rằng chính ở tiểu hạnh mà chẳng sinh, phải do lúc chết mà phát tâm Đại thừa, nên sinh. Nếu không có giống xưa, há lúc chết mà hồi tâm hướng Đại ư? Cho nên biết không trái với nghĩa trước. Vẫn giải thích mà phục nghi. Đã nhân hồi tâm hướng Đại mà được sinh. Vì sao đến đó liền chứng Tiểu quả cho nên giải thích rằng: Đạo Vô Lậu chín muồi vì thoái Đại đã lâu, quen Tiểu công sâu, cho nên Phật ấy xứng quen mà nói Tiểu và khiến chứng quả. Hoặc kể trở đi là lại dẫn kinh luận nói Tiểu. Nay kinh và Thích luận nói về cõi ấy chứng Tiểu quả, là ý muốn chỉ tiếp người Tiểu thừa cầu sinh. Nếu họ sinh rồi thì đều kính mến Đại thừa sẽ chẳng chứng Tiểu. Nhưng tuy nêu ra ý này mà nghĩa trước là chánh. Trung phẩm v.v... trở đi trong giải thích không kịp ngại hạ. Vì phẩm Hạ hạ sinh lên đó nghe pháp đúng lúc liền phát tâm Bồ-đề. Trung thượng sinh lên đó vì sao chỉ chứng quả Vô học? Vì Đại Tiểu mà hỏi phẩm thứ tư chẳng bằng chín phẩm. Giải rằng trở đi, lấy Đẳng địa tốc chứng mà đáp. Trung thượng thuận thói quen, tuy chứng Tiểu quả mà không vượt hơn mười kiếp sẽ vào Sơ địa chín phẩm ác nặng phải mười hai đại kiếp mới được ra khỏi thai. Tuy phát đại tâm nhưng phải trải qua

nhiều kiếp mới lên pháp nhãn. Vì lấy tốc chứng so kia là hơn ba, Đại bản trở đi, là cả Trung phẩm không nói xuất gia mà hỏi. Đó nói Trung phẩm rằng tuy chẳng thể làm Sa-môn, nên bảo là chẳng nói xuất gia thời dài thì cuối, nghĩa là trọn đời xuất gia thời ngắn, nghĩa là một ngày một đêm. Cho nên biết cứ vào Thời ngắn thì Đại bản y cứ nghĩa cũng có. Nếu luận Thời dài thì kinh này y cứ nói cũng không, đây chính là hai kinh việc đồng nhau.

Trong tu nhân Trung phẩm trung sinh, sơ nói mười giới, giải thích kinh nói giữ giới Sa-di. Kim ngân sinh tượng Nam sơn nói là tiếng Hồ và tiếng Hán cùng gọi. Hồ gọi là Sinh tượng, Hán dịch là vàng bạc. Thiện Kiến chép: Sinh sắc và Tợ sắc, tợ tức là tượng. Đây gọi vàng khi sinh ra là sắc vàng, còn bạc thì thể nhuộm giống vàng (tợ), cho nên gọi là Sinh tượng (sinh là vàng, tượng là bạc). Nếu thế thì Sinh tượng là tiếng xứ này sao nói là tiếng Hồ.

Đáp: Nghĩa là ở phía Bắc của năm Thiên trúc tiếng nói (Hồ) có lẫn lộn tiếng Hán, nên gọi là Sinh tượng. Người Hồ dịch lại và đưa vào Hán nên còn tiếng Hồ.

Trong tu nhân Trung phẩm hạ sinh, kinh nói hiếu dưỡng cha mẹ, làm nhân từ ở đời. Đây Thiện phàm phu không thể hàng phục hoặc, đầu dự vào nhóm trung. Sơ trước xếp vào vị, người nhóm trung là vị Thập tín của Biệt giáo tức là Viên ngũ phẩm. Đây là do lúc chết có bệnh lành nói rộng Phật A-di-đà thuận theo bản tánh lấy nước Cực lạc. Và nói Pháp tạng xứng lý phát nguyện. Người tu nghe rồi giải ngộ Đại thừa, phát tâm hồi hướng cầu sinh Tịnh độ. Kinh tuy chẳng nói phát tâm hồi hướng nhưng đã nghe nói rộng há chẳng hồi tâm. Đây là đặc biệt lược bỏ bớt. Khi sắp mất mà phát tâm thì tâm rất mạnh mẽ lạnh lợi, nên có thể vào Biệt viên ngoại phạm sơ vị, Thông hoặc sớm phục. Cho nên khiến thiện thế gian ở phẩm vị này. Đại sư chỉ ở Đại thừa ba vị mà đối chín phẩm lại rất sâu. Lợi ích sau sinh là qua một tiểu kiếp thì thành A-la-hán.

Hỏi: Đến nước ấy lên Tiểu quả đều thuận theo thói quen xưa. Nay người tu này vốn quen thiện thế gian là nhân trời, người mà không phải hạnh Thanh văn, thì đến đó sau được thành A-la-hán phải không?

Đáp: Hiếu dưỡng nhân từ là nền tảng của Đại Tiểu giáo nào chẳng nói. Mà A-hàm đây luận riêng về thiện này. Dùng quả nghiệm nhân là y vào ba tạng làm hiếu thuận v.v... Tuy là thiện thế gian, nhưng tâm ở vô thường. Đã từ lâu nêu tâm đạo Vô lậu thực cho nên chứng Tiểu quả.

Người ba phẩm Hạ gây ra tội nặng nhẹ gặp duyên được diệt làm

nhân vãng sinh. Nên biết ý kinh vì muốn dễ hiểu nên dùng ba nghiệp ác mất mà làm nhân cho ba phẩm Hạ, hồi hướng phàm tiểu làm nhân cho ba phẩm Trung, đem các thiện Đại thừa làm nhân cho ba phẩm Thượng. Đây chính là Thượng hạ hiển sáng nhau để làm cảnh cho pháp quán. Nếu gọi thật quán y nghĩa mà nói, Đại Tiểu thiện ác theo tâm hồi hướng mà tùy sức diệt tội cạn sâu thêm bậc đều luận chín phẩm. Nay ba người này nghe pháp khen Phật tuy nghiệp chướng diệt mà hoàn toàn chưa điều phục hoặc, vị ở Danh tự nên thuộc ba phẩm Hạ. Nếu diệt tội mà tâm lanh lợi thì vào Biệt viên ngoại phàm tức là ba phẩm Trung. Nếu đến được nội phàm thì là ba phẩm Thượng. Xà vương sám hối tội nghịch mà được Tín vô căn là loại này.

Hạ phẩm thượng sinh tức kinh nói tuy chẳng bài bác chê bai kinh điển Phương đẳng. Phẩm này chẳng chê chứng tỏ tội cũng còn nhẹ. Đến Hạ hạ phẩm thì nói năm nghịch mười ác đủ các bất thiện, thì chê bai các kinh tất cả nghiệp ác đều làm, nên nói là đủ. Giáo viên đốn nói tội không nặng nhẹ hối thì đều diệt. Như Tiên Dự giết các Bà-la-môn thì địa ngục ba niệm biết tâm chê bai Phương đẳng lập tức hối cải mà sinh về nước Phật.

Hạ phẩm trung sinh tức kinh nói trộm vật Tăng-kỳ, trộm vật của Tăng hiện tiền, mà chẳng nêu ra bốn thứ thường trụ: Một là thường trụ thường trụ, là các thứ bếp kho chùa nhà cây trái vườn rừng tôi tớ súc vật... Vì thể chung cả mười phương không thể phân dụng; hai là mười phương thường trụ như thức ăn nuôi tăng thường dùng. Thể chung mười phương chỉ hạn cục ở một nơi; ba là hiện tiền hiện tiền nghĩa là vật của Tăng có; bốn là mười phương hiện tiền như vật nhẹ của năm chúng vừa mất nếu chưa Yết-ma thì bị tội với Tăng mười phương. Nếu đã Yết-ma thì bị tội với Tăng hiện tiền thì thuộc vào thứ ba hiện tiền hiện tiền. Trộm hai thứ trước thì gọi là trộm vật Tăng-kỳ. Trộm hai thứ sau gọi là vật của hiện tiền tăng. Bất tịnh nói pháp, là chỉ cầu danh lợi không phải vì lợi ích cho người. Không biết xấu hổ, là chỗ vắng làm ác không thẹn với trời, giữa mọi người làm ác không thẹn với người.

Hạ phẩm hạ sinh, trong số giải thích tu nhân có xưng vô lượng trở đi là nói niệm Phật diệt tội và dẫn Đại Luận hỏi đáp, tức hỏi rằng trở đi là ước ít thời gian mà trách. Tâm ấy v.v... trở đi là y cứ tâm mạnh mà đáp. Tâm mạnh mẽ này từ hai duyên mà phát: một là gặp bạn lành, hai là bị khổ ép bức, tâm sợ ác đạo tại nghe tên Phật. Cho nên rất kiên cường chí thành xưng niệm. Đã có cảnh thắng tâm mạnh cho nên dù thời gian ít công nhiều vượt hơn nguyện lực dong dài trăm năm. Nếu hai

duyên tâm mạnh này không phát ra thì người này sẽ bị đọa địa ngục.

Về lợi ích, có hai: Một là sơ khoa; hai là giải thích kinh, tức là phu nhân ngộ đạo. Kinh nói rỗng sáng đại ngộ được Vô Sinh Nhẫn, vì tâm phàm phu nghe mười sáu quán, tức nghe tức tu sớm vào Viên trụ. Bởi biết rõ Ý chánh ứng sắc, tức Báo tức pháp, chẳng dục chẳng ngang. Toàn tâm thành Phật toàn tâm là Phật. Năng sở đều quên, nghĩ suy dứt hết. Ba đức Bí tạng đương niệm sớm mở. Cho nên gọi là rỗng sáng đại ngộ, ngộ thông quán hạnh ở vị tương tự. Cho nên nói riêng được Vô sinh nhẫn, hiển rõ đại ngộ này là ở phần chân. Như mười sáu quán không phải Diệu tông há khiến đương cơ sớm vào Viên vị. Văn kinh kết lợi ích, hiển rõ quán môn này không thiên không tiệm, tin chẳng thể dùng sự tương tiêu văn. Nói về thị nữ phát tâm. Văn kinh chỉ nói phát tâm vào quả vị Giác ngộ cao tốt là ở vị nào. Kinh nói phu nhân sau khi được Vô sinh nhẫn riêng nói phát tâm, nghiệm ra không phải là thật phát. Tịnh Danh sơ chép: Bồ-tát Nhu Thuận Nhẫn mới có nghĩa phát, cho nên phần nhiều y cứ tương tự mà nói vị phát tâm. Danh tự quán hạnh cũng có nghĩa phát, cách xa vô sinh nên không được luận.

Về phần Lưu thông. Kim Quang Minh Sơ chép: Lưu là rót xuống, thông là không ứ tắc, là muốn cho nước pháp từ đây chảy mãi, thuyên để thánh giáo không mai một ở đời sau. Cho nên sau đây nêu tên nêu ích khuyên người tu tập. Nếu thế sao khiến nước Pháp chảy (rót) mãi chẳng ứ tắc. Sơ có hai: Một là chung riêng chia khoa; hai là Tùy Khoa giải thích. Kinh này có hai chỗ lưu thông Quán đạo. Một là ở cung vua, Phật tự dặn khuyên; hai là trở về Linh thứu, A-nan thuật lại đầy đủ. Văn đầu có nêu tên Giáo Trì, tức là A-nan hỏi tên kinh. Sơ bảo nghĩa nói rất nhiều là văn kinh nêu riêng ba thứ Tịnh nghiệp, mười sáu Diệu quán, chẳng biết lấy gì mà làm Tổng mục. Pháp này trở đi là hỏi pháp thọ trì. Như lai đáp là Phật đáp câu hỏi trước. Một chữ quán là tâm quán Diệu tông vậy. Ba Thánh Cực Lạc là thật tướng viên thể. Đây là từ tông thể mà đặt tên này. Tịnh trừ nghiệp chướng, nặng nhất là năm tội nghịch. Sinh trước Phật là bao gồm chín phẩm. Tên này là từ dụng gồm có ba nghĩa, tức là giải thích tên. Bốn thứ này đã Viên tức tướng giáo này, cho nên nêu ra hai tên, năm chương ý đã đủ. Tin nay giải thích đề kinh rất ngậm phù hợp với ý chỉ Phật. quên mất, tức là niệm tâm ấy. Niệm tâm làm cho thành dục v.v... bốn pháp. Bởi dục tấn thì làm xảo tuệ một tâm, nếu quên mất thì đều không thành tựu. Phật khiến chẳng quên thì đủ năm pháp, công thọ trì ở đây mà hết sức. Nêu lợi ích khuyên tu, có nói sinh thiện diệt ác. Kế nói trở đi là nói thẳng thiện sinh thấy Phật

hay thấy chân pháp thân của A-di-đà và hai Bồ-tát thì sinh thiện tốt bậc. Lấy sâu so cạn thì thiện nào chẳng sinh. Người Thiện nam v.v... trở đi hưởng là hiển việc diệt tội sinh tử. Nghe tên là văn tuệ, nhớ nghĩ là tu tuệ. Nếu nghe là kém hưởng tu là cao quý hơn. Người tu nên biết, trước là không quên mất, cũng là ước niệm, song thuộc v.v... phương tiện. Nay ước niệm này lại thuộc chánh tu, tên đồng mà nghĩa khác nên khó phân biệt. Nói thân cao quý bạn tốt, niệm Phật v.v... trở đi là dụ hoa sen trắng nói thân cao quý. Phân-đà-lợi, dịch là hoa sen trắng. Kinh Niết-bàn chép: “Hoa trong nước, Phân-đà-lợi là bậc nhất, là nói việc tu Viên quán vượt hơn tất cả người tu Đạo khác, tức là bảy phương tiện.” Quán Âm trở đi là nêu Bồ xứ nói bạn lành, hai bậc Thánh này vốn tu Viên định niệm Phật, nay là Bồ xứ, hành giả nay tu cũng là định này, ngôi vị tuy cao thấp nhưng pháp tu thì đồng cho nên có thể làm bạn. Cũng như người đời đạo thuật giao nhau đâu phân sang hèn. Đương tọa v.v... trở đi, là nói được quả khởi hạnh, sự tướng giải thích, dưới gốc Bồ-đề ngồi đài Kim cương, chỗ thành Phật này gọi là đạo tràng sự vốn biểu thị cho lý. Nay quán bản tánh giác thể Di-đà, Thể này tức là được ngồi đạo tràng, được sinh nhà Phật. Lý một nghĩa khác nên gọi tràng gọi nhà. Lý này là tràng, ngôi sẽ được quả. Lý này là nhà, sinh sẽ khởi hạnh. Quả tức là phần quả, hạnh tức là chân tu. Quán này vốn ước hẹn với quả phần chứng vô công dụng hạnh, muốn dùng hạnh bệnh và hạnh Anh nhi mà độ chúng sinh, nên tu quán niệm Phật mà cầu sinh Tịnh độ. Sinh đó mau được nên nói đương tọa (chỗ ngồi này). Kết danh trở đi, là kết tên dặn dò. Kinh nói trì kỷ (trì tốt), hảo tức là diệu, vì chẳng ngang dọc và dứt tâm nghĩ lường giữ mới có thể thọ trì chương cú kinh này. Văn riêng đã diệu cho nên có thể giữ tên chung của kinh. Trên dùng ba, một dung diệu mà giải thích, là ý ở đây. Đây là mượn A-nan mà dặn dò người đời nay. Vui mừng trở đi là chúng nghe vui mừng. Nói ba nghĩa: Một là gặp người; hai là nghe Pháp; ba là được quả. Văn nói nêu ra đại Luận nghĩa quy về kinh này. Người đã là Phật thì Phật ắt đầy đủ bốn vô ngại trí, tức là pháp nghĩa từ và nhạo thuyết nói quán Phật pháp lia các lầm lẫn nên gọi là thanh tịnh. Nay gặp người này sao chẳng vui mừng. Pháp là pháp quán, mười sáu môn biết rõ chỗ sâu mâu, có thể khiến phàm tâm vào sâu tam-muội lia các hư thiết, nên gọi thanh tịnh. Nghe Pháp như thế há chẳng vui mừng. Nếu thật tu quán thì sẽ được quả. Vy-đề-hy... nghe pháp liền tu mà chứng quả Phần chân. Thị nữ và chư Thiên được quả Tương tự. Mục-liên, A-nan cùng Phật hóa độ các căn cơ. Hoặc hay tăng thêm đạo không lường sâu cạn, đều vì lia hoặc mà gọi là thanh tịnh

được quả như thế há chẳng mừng vui. Ba tướng do đây mà được quả do pháp, pháp do người nói. Chúng kia vui mừng đủ ba nghĩa này. Ngày nay tôi tuy chẳng thấy được Kim dung mà được Diệu trí gia bị lại được nghe pháp quán mẫu nhiệm này, nhưng chưa được quả, cho nên thiếu cái vui mừng thứ ba.

Núi Kỳ-xà-quật là phần Lưu thông, có hai: Một là núi Kỳ-xà-quật trở đi là Phật bước lên hư không trở về. Trước đến theo lời thỉnh thì ở núi Kỳ-xà-quật ẩn mất mà hiện ra ở cung vua. Nay bước lên hư không trở về núi Kỳ-xà-quật. Hai lần đều dùng thần thông. Trước ẩn sau hiện, là trước muốn thí hóa, nhưng hóa pháp chưa thành nên chỉ ngấm đến. Nay tuyên nói Diệu quán, đương cơ đã được lợi ích muốn cho mọi người cùng vâng theo pháp này cho nên biến hiện rõ ràng mà trở về; hai, A-nan trở đi là A-nan thuật lại. Nhân ở cung vua ngộ ở núi Kỳ-xà-quật và chưa biết nên phải thuật lại cho khắp nơi khiến tin nhận. Điều A-nan thuật lại chính là lời Phật nói. Cho nên vẫn nói nghe lời Phật dạy đều rất vui mừng, lý hợp cùng với ba nghĩa trước cho nên vui mừng.

